

Bản án số: 03/2023/HC-PT
Ngày: 31/7/2023
“*v/v khiếu kiện Quyết định hành
chính, hành vi hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương là điểm cầu trung tâm và tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương là điểm cầu thành phần, xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐXXPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1942 - Luật sư, Văn phòng sư X thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Bá Tr - Luật sư, Công ty Luật Y; địa chỉ: Văn phòng giao dịch số Z, lô A, khu đô thị X, H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà X, khu dân cư M, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Vũ Văn B, sinh năm 1951; địa chỉ: Khu dân cư M, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Là người bị kiện. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. *Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:* Ông Đào Chính H - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 4, diện tích 543 m² và thửa đất số 126, tờ bản đồ số 11, diện tích 340 m² tại thôn Mỹ Động, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện K, tỉnh Hải Dương cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Bùi Thị T2 (là cô ruột của ông Bùi Bá S - chồng bà). Cụ T2 không có chồng con nên vợ chồng bà ở cùng để tiện trông nom cụ. Năm 1987, cụ T2 có nói cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất trên nên ngay sau đó vợ chồng bà có xây dựng một nhà cấp 4, diện tích 60m² và công trình phụ trên thửa đất của cụ T2. Năm 1999, vợ chồng bà vào miền Nam xây dựng kinh tế nhưng vẫn thường xuyên đi lại để thăm nom cụ T2. Năm 2005, vợ chồng bà đến nhà vợ chồng ông Vũ Văn B và bà Bùi Thị N (bà N là chị ruột ông S) nói chuyện nhờ anh Vũ Văn Th (là con trai của ông B, bà N) sang trông nhà và trông cụ T2 giúp vợ chồng bà, mọi chi phí vợ chồng bà sẽ gửi về cho anh Th. Năm 2016, anh Th hỏi vợ chồng bà cho xây nhà trên đất của cụ T2, vợ chồng bà đồng ý cho anh Th xây 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 90m². Năm 2016, ông Bùi Bá S chết. Năm 2017, cụ T2 chết. Bà về gặp anh Th để đòi lại đất nhưng anh Th không đồng ý trả. Hiện nay ngôi nhà do vợ chồng bà xây dựng vẫn còn trên đất của cụ T2, nhà do vợ chồng anh Th xây ở phía trước ngôi nhà của vợ chồng bà, khi vợ chồng anh Th khóa cổng, đóng cửa thì bà không vào được nhà. Mỗi lần ở Đắc Nông về, bà phải ở ngôi nhà của bà nằm sát cạnh đất của cụ T2. Từ năm 2017 đến nay bà chỉ gặp và nói chuyện được với anh Th một lần, những lần còn lại anh Th đều cố tình tránh mặt không muốn gặp bà để bàn về chuyện đất đai. Gia đình anh Th cung cấp cho Tòa án giấy bán nhà nhưng bà xác định nội dung không đúng, chữ viết và chữ ký không phải của bà, không có chữ ký của ông S, bà không nhận số tiền 50.000.000 đồng từ gia đình anh Th. Do bà và anh Th không thể thương lượng, hòa giải được nên ngày 06-5-2022 bà có đơn đề nghị UBND phường H hòa giải

tranh chấp đất đai theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ngày 03-6-2022, UBND phường H ban hành Văn bản số 02/VB-UBND với nội dung không có căn cứ để tiến hành hòa giải tranh chấp giữa bà và anh Th, lý do bà và anh Th không phải là chủ sử dụng hợp pháp của hai thửa đất nêu trên. Xét thấy nội dung văn bản của UBND phường H không đúng theo quy định của pháp luật nên ngày 24-10-2022 bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03-6-2022 của UBND phường H và buộc Chủ tịch UBND phường H tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà và anh Vũ Văn Th theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND phường H trình bày:

UBND phường H nhận được bưu phẩm của bưu điện K có đóng dấu ngày 06-5-2022 trong đó có nội dung là đơn đề nghị hòa giải, biên bản làm việc, sổ hộ khẩu (photo), giấy chứng tử, giấy xác nhận (photo) và 1 số tài liệu khác đều là bản photo, bưu phẩm gửi trực tiếp Chủ tịch UBND phường H. Nội dung đơn đề nghị UBND phường H tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị H và anh Vũ Văn Th. Sau khi nhận được đơn, Chủ tịch UBND phường H đã giao cho cán bộ địa chính điều tra, xác minh nguồn gốc đất. Trong quá trình thu thập tài liệu, ngày 16-5-2022 bà H lại gửi đơn và toàn bộ các tài liệu như trên cho Chủ tịch UBND phường H. Quá trình kiểm tra, xác minh nội dung đơn yêu cầu hòa giải và hồ sơ, tài liệu được lưu trữ tại UBND phường H cho thấy thửa đất số 125, diện tích 543m² và thửa số 126, diện tích 340m², tờ bản đồ số 04, tổng diện tích là 883m² tại Mỹ Động, H, K đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ vào ngày 22-12-2002 mang tên cụ Bùi Thị T2. Trước khi cụ T2 chết không để lại di chúc, quyền sử dụng đất trên chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng, tặng cho, phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Đến nay GCNQSDĐ vẫn mang tên cụ Bùi Thị T2, không có tài liệu nào thể hiện bà Trần Thị H và anh Vũ Văn Th liên quan đến 02 thửa đất trên. Do không có căn cứ để tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn của bà H nên ngày 03-6-2022, UBND phường H đã ban hành Văn bản số 02/VB-UBND từ chối đề nghị tại Đơn đề nghị hòa giải ngày 06-5-2022 của bà Trần Thị H là có căn cứ và đúng pháp luật. Do vậy, UBND phường H không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H. Nếu bà H có bất cứ tài liệu nào thể hiện đất của bà H và có đơn về UBND phường thì UBND phường sẽ hòa giải theo quy định.

Người làm chứng là anh Vũ Văn Th trình bày: Anh và bà Trần Thị H có quan hệ là vợ chồng. Cụ Bùi Thị T2 là bà họ không có chồng, không có con. Vào năm 1999, bố mẹ anh có mua lại ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng bà H. Do vậy được sự đồng ý của cụ T2, bố mẹ anh cho anh sang ở để trông nom cụ T2 từ đó. Năm 2015, anh đã xây nhà khác trên đất cụ T2 và ở cho đến nay. Năm 2016,

chồng bà H là ông Bùi Bá S chết, năm 2017 cụ T2 chết. Từ trước đến nay, bà H không có tranh chấp với anh. Từ đầu năm 2022 đến nay, UBND phường H không có giấy mời hay thông báo yêu cầu anh ra Ủy ban để hoà giải tranh chấp theo đơn đề nghị hoà giải của bà H.

Người làm chứng là ông Vũ Văn B trình bày: Ông là bố đẻ của anh Vũ Văn Th. Ông là anh ruột của ông Bùi Bá S (chồng bà H), bà H là em dâu của ông. Năm 1990, do cụ Bùi Thị T2 không có chồng con nên đưa bà Trần Thị H và ông Bùi Bá S (là vợ chồng cháu trai) về ở cùng và chăm sóc. Trong quá trình chung sống, bà H và ông S có xây một nhà cấp 4 bằng vôi trình, lợp ngói đất với diện tích khoảng 50m² trên đất của cụ T2, hiện tại nhà của bà H vẫn còn. Bà H và ông S ở với bà T2 đến năm 1999 thì vào miền Nam sinh sống. Trước khi đi miền Nam, ông S và bà H có trao đổi với vợ chồng ông và cháu Th nội dung vợ chồng ông bà đi miền Nam nếu vợ chồng ông làm ăn được sẽ cho cháu Th và vợ chồng ông căn nhà này để trông nom cụ. Hai năm sau vợ chồng bà H quay về và nói là làm ăn được nên sẽ định cư ở đó không quay về H sinh sống nữa. Ông S bảo sẽ tặng cho cháu Th nhà để chăm sóc cụ T2 nhưng bà H lấy tiền. Vợ chồng ông đã giao trực tiếp số tiền 50.000.000đồng cho bà H tại nhà ông bà, bà H đã viết biên bản bán nhà cho vợ chồng ông và giao cho ông bản gốc. Trong giấy bán nhà có nội dung, vợ chồng bà H ông S bán cho vợ chồng cháu Th và cụ T2 căn nhà cấp 4 trên đất của cụ T2 để làm nhà ở trông nom cụ T2. Trong giấy, bà H ký bên người bán, cháu Th ký bên mua. Tại buổi giao tiền và viết giấy bán nhà không có mặt ông S, có mặt bà Bùi Thị Đài và bà Bùi Thị Nước ký làm chứng. Năm 2012 do cụ T2 già yếu, gãy chân, mù mắt nên ông đón cụ T2 về nhà ông ở để chăm sóc. Năm 2015 cháu Th có xây một căn nhà 2 tầng trên đất cụ T2 và ở cho đến bây giờ. Năm 2016 ông Bùi Bá S chết, tháng 7-2017 cụ T2 chết. Sau khi cụ T2 chết, bà H có về gặp ông đòi đất. Nhưng do bà H đã bán nhà không còn quyền lợi nên vợ chồng ông và vợ chồng cháu Th không đồng ý, không gặp gỡ để trao đổi, thỏa thuận. Hiện nay nhà cấp 4 của bà H vẫn còn nguyên hiện trạng, vợ chồng cháu Th đang sử dụng làm nhà kho. Đến nay gia đình ông không nhận được giấy tờ của UBND phường H mời đến hoà giải.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115, điểm a khoản 2 điều 116, khoản 1 Điều 157 và Điều 158, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 202 Luật đất đai; khoản 4 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Hủy Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03-6-2022 của UBND phường H; Buộc Chủ tịch UBND phường H phải tổ chức hoà giải tranh

chấp đất đai giữa bà Trần Thị H và anh Vũ Văn Th theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2023, UBND phường H và người bị kiện là Chủ tịch UBND phường H, thị xã K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng là đã thụ lý vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Th và người làm chứng là ông B đến tham gia phiên tòa; xác định không đúng người bị kiện. Về nội dung: Việc UBND phường H ban hành Công văn 02 ngày 03/6/2022 trả lời không có căn cứ hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn của bà H là hoàn toàn đúng pháp luật. Do vậy, bản án sơ thẩm tuyên hủy Công văn số 02 thì Chủ tịch UBND phường H không nhất trí.

Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Về nội dung vụ án: UBND phường H đã tiếp nhận và giải quyết đơn đề nghị hòa giải của bà H theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là Chủ tịch UBND phường H đã cử cán bộ tiến hành xác minh, tìm hiểu nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, trả lời đơn đúng thời hạn. Bà H chưa chứng minh được tranh chấp đất đai với anh Th nên UBND phường H không có căn cứ để tổ chức hòa giải theo đơn của bà H. Tranh chấp theo nhận định của bà H không phải là tranh chấp đất đai để UBND phường H tổ chức hòa giải theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; thụ lý vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; xác định không đúng người bị kiện; xác định thiếu người tham gia tố tụng là UBND phường H; việc thay đổi người bị kiện tại phiên tòa là vi phạm tố tụng do Chủ tịch UBND phường H không được triệu tập trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng tại phiên tòa lại xác định Chủ tịch UBND phường H là người bị kiện; không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tham gia phiên tòa sơ thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người không liên quan cụ thể đưa ông Phạm Văn Tr là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND phường H, không phải là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND phường H tham dự phiên tòa và ghi nhận quan điểm trình bày của ông Tr là không chính xác. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án một cách đầy đủ, khách quan; quá trình giải quyết vụ án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho của TAND thị xã K xét xử lại.

- Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ngày 06/5/2023, bà H gửi đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà và anh Th đến UBND phường H nhưng Chủ tịch UBND phường H không tổ chức hòa giải và ban hành Văn bản trả lời đơn số 02 là không đúng theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương. Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND phường H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của đương sự, của người tham gia tố tụng khác, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Về đối tượng khởi kiện: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường H và buộc Chủ tịch UBND phường H phải tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật. Quyết định hành chính, hành vi hành chính nêu trên đã xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của bà H, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã K xác định đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính là đúng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng đối tượng khởi kiện là không có căn cứ.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30

và khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là đúng thẩm quyền.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20-7-2022, bà Trần Thị H nhận được Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03-6-2022 của UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Ngày 29-7-2022, bà H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã K là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Do đó, HĐXX xác định việc khởi kiện của bà H còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.5] Tại phiên tòa, người bị kiện là Chủ tịch UBND phường H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vượt quá yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện: Xét thấy, tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2022, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu TAND thị xã K giải quyết buộc Chủ tịch UBND phường H tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn của bà H. Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 bà Trần Thị H yêu cầu TAND thị xã K hủy Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03/6/2022 của UBND phường H. Sau khi nhận đơn khởi kiện của bà H, TAND thị xã K đã thụ lý vụ án và xem xét giải quyết cả 02 yêu cầu khởi kiện trên của bà H là đúng quy định tại Điều 126 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xác định không đúng người bị kiện, xác định thiếu người tham gia tố tụng là UBND phường H: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 3 Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013 thì yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND phường H. Việc UBND phường H ban hành Văn bản số 02/VB-UBND do Chủ tịch Vũ Văn Dung ký thay mặt UBND phường, nội dung trả lời cho bà H biết việc UBND phường không có căn cứ hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn của bà H, văn bản này thuộc quyền của Chủ tịch UBND phường ban hành chứ không phải của UBND phường, vì việc tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai là thuộc quyền của Chủ tịch UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp. Do vậy bản án sơ thẩm không xác định tư cách tham gia tố tụng của UBND phường H mà xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND phường H là đúng quy định của pháp luật. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND phường H đã được Tòa án nhân dân thị xã K triệu tập họp lệ tham gia tố tụng và đã có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án. Như vậy, quyền lợi và nghĩa vụ tham gia tố tụng của Chủ tịch UBND phường H được đảm bảo.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Th và người làm chứng là ông B đến tham gia phiên tòa sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng tố tụng:

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, TAND tỉnh Hải Dương đã ban hành Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng xác định anh Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông Vũ Văn B là người làm chứng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, HĐXX xác định yêu cầu khởi kiện của bà H không liên quan đến quyền và lợi ích của anh Th nên tại bản án sơ thẩm TAND thị xã K không xác định anh Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật Tố tụng hành chính. HĐXX xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Th và ông B là người làm chứng cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập anh Th và ông B đến tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng là có sai sót, tuy nhiên không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H vì quá trình giải quyết vụ án anh Th và ông B đều đã có lời khai chi tiết trong hồ sơ vụ án.

[2.4] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H cho rằng không có căn cứ để hòa giải và UBND phường H đã ban hành công Văn số 02 ngày 3/6/2022 là đúng; Bà H chưa chứng minh được đang tranh chấp đất đai với anh Vũ Văn Th; Tranh chấp đất đai theo nhận định của bà H không phải là tranh chấp đất đai để đề nghị UBND phường H hòa giải theo Điều 202 Luật đất đai, HĐXX thấy rằng:

[2.4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính: Theo quy định tại khoản 3 Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền hòa giải tranh chấp đất đai. Tuy nhiên Văn bản số 02/VB-UBND lại do Chủ tịch UBND phường H ký ban hành thay mặt UBND phường là không đúng thẩm quyền.

[2.4.2] Về nội dung của quyết định hành chính, hành vi hành chính: Theo bà H trình bày do được cụ T2 tặng cho đất nên vợ chồng bà có xây một ngôi nhà cấp 4 để ở và chăm sóc nuôi dưỡng cụ T2, sau này bà đồng ý cho anh Th xây nhà cùng trên phần đất này; ngôi nhà của bà hiện nay vẫn do anh Th quản lý, sử dụng và anh Th có hành vi ngăn cản không cho vào nhà. Ông Ban trình bày ngôi nhà của bà H đang được anh Th sử dụng làm nhà kho và bà H đã bán nhà cho anh Th từ năm 1999. Anh Th xác nhận do được cụ T2 đồng ý và mua nhà của bà H nên anh xây nhà 2 tầng trên đất để ở và chăm sóc cụ T2. Như vậy bà H xác định diện tích đất mang tên cụ T2 là thuộc quyền sử dụng của bà H vì đã được tặng cho. Anh Th, ông Ban cho rằng diện tích đất này đã được bà H chuyển nhượng và các bên đã xây dựng nhà, công trình gắn liền với đất. Mặt khác giữa bà H, anh Th, ông Ban không tự hoà giải được, thể hiện việc bà H gặp bố con

anh Th đề đòi đất nhưng ông Ban và anh Th không nhất trí. Như vậy giữa các bên đã phát sinh việc tranh chấp về quyền sử dụng đất, và không rự hoà giải được, đây là căn cứ để Chủ tịch UBND cấp xã phải tổ chức tiến hành hoà giải theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai. Chủ tịch UBND phường H khi nhận được đơn đề nghị hoà giải của bà H mà không tiến hành hoà giải là thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

[2.4.3] Tại khoản 1 Điều 88 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai như sau: *“1. Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau: a) Thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;...”*. Tuy nhiên, sau khi nhận đơn của bà H, UBND phường H không thực hiện việc thẩm tra, xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, không triệu tập các bên có liên quan lên làm việc mà chỉ căn cứ vào GCNQSDĐ của cụ Bùi Thị T2 để xác định thửa đất là của cụ T2, không liên quan đến bà Trần Thị H, anh Vũ Văn Th và ban hành văn bản trả lời không có căn cứ hòa giải tranh chấp đất đai là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên TAND thị xã K đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, hủy văn bản số 02/VB-UBND ngày 03-6-2022 của UBND phường H và buộc Chủ tịch UBND phường H phải tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị H và anh Vũ Văn Th là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích trên thấy rằng, các nội dung kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H là không có căn cứ, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của TAND thị xã K.

[3]. Về án phí: Chủ tịch UBND phường H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về các vấn đề khác: Ngoài đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, ngày 29/5/2023 UBND phường H cũng có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K. Xét thấy, UBND phường H không phải là đương sự, không có tư cách tham gia tố tụng trong vụ án, do đó không có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 của Luật Tố tụng hành chính. Sau khi nhận được đơn kháng cáo, TAND thị xã K không xem xét trả lại đơn kháng cáo cho UBND phường H mà ban hành Thông báo yêu cầu UBND phường H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật. Do UBND phường H không có quyền kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên HĐXX

hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà UBND phường H đã nộp.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án:

[1]. Bác toàn bộ kháng cáo của Chủ tịch UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K.

[2]. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 điều 116, điểm b, c khoản 2 Điều 193, Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 202 của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H:

+ Hủy Văn bản số 02/VB-UBND ngày 03-6-2022 của UBND phường H.

+ Buộc Chủ tịch UBND phường H phải tổ chức hoà giải tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị H và anh Vũ Văn Th theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND phường H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004532 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K. (đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Hoàn trả UBND phường H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0004533 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (31/7/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã K;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP, lưu THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất

